

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010



## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-28

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở được đặt tại số 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng

Công ty có 1 chi nhánh hạch toán phụ thuộc đặt tại TP.HCM.

Các công ty con tính đến 31/12/2010 gồm:

- Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khoáng Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty CP Mê Kông Hoàng Long
- Công ty CP Thanh Mỹ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điều, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mượn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi ( ngoài tỉnh)
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng ( trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình)
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Năm	Thành viên
Ông Ngô Kinh Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Châu Minh Đạt	Thành viên

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phạm Phúc Toại	Tổng Giám Đốc
Ông Châu Minh Đạt	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Phan Văn Thanh	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc	Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng

### 3. Tình hình kinh doanh năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám Đốc

Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc kỳ kế toán mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho Công ty.

### 6. Ý kiến của Tổng Giám Đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám Đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Ngày 18 tháng 01 năm 2011

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Số: 11.109/BCKT-2010

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 28 kèm theo. Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến


Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoàng Long vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2011

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
  
**TANG QUỐC THẮNG**  
Chứng chỉ KTV số Đ0075/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**  
  
**LỖ NGUYỄN THỦY PHƯƠNG**  
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>212.140.201.648</b>	<b>178.854.231.754</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>1.284.540.536</b>	<b>13.642.069.559</b>
1. Tiền	111		1.284.540.536	415.790.052
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	13.226.279.507
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>168.024.521.626</b>	<b>82.749.710.754</b>
1. Phải thu khách hàng	131		40.388.844.503	37.157.036.430
2. Trả trước cho người bán	132		2.581.642.300	4.984.653.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		126.199.924.508	41.528.910.709
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.145.889.685)	(920.889.685)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>41.775.431.858</b>	<b>78.555.352.423</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.3	41.775.431.858	78.555.352.423
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.055.707.628</b>	<b>3.907.099.018</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	62.500.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		722.517.911	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1.500.000	188.038.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	269.189.717	3.719.061.018



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>636.288.700.798</b>	<b>584.907.462.583</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>27.190.434.155</b>	<b>27.388.115.770</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	17.379.108.991	20.761.521.360
- Nguyên giá	222		29.146.101.877	30.585.112.787
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.766.992.886)	(9.823.591.427)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	4.939.833.318	5.046.833.322
- Nguyên giá	228		5.360.300.000	5.360.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(420.466.682)	(313.466.678)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	4.871.491.846	1.579.761.088
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	5.10	<b>24.756.238.011</b>	<b>25.368.077.631</b>
- Nguyên giá	241		26.420.882.816	26.420.882.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.664.644.805)	(1.052.805.185)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.11	<b>580.774.657.433</b>	<b>528.987.458.842</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		447.912.527.010	396.269.252.950
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		132.900.000.000	132.600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		964.747.000	900.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1.002.616.577)	(781.794.108)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.567.371.199</b>	<b>3.163.810.340</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	82.896.805	296.714.164
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	3.484.474.394	2.867.096.176
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>848.428.902.446</b>	<b>763.761.694.337</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>332.321.167.279</b>	<b>257.217.583.298</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>297.774.657.769</b>	<b>208.184.421.710</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	161.410.256.280	2.759.325.800
2. Phải trả người bán	312	5.15	14.291.757.911	13.768.354.336
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	2.466.644.371	337.412.898
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	2.398.027.838	29.886.439.144
5. Phải trả người lao động	315	5.17	753.143.797	1.087.126.167
6. Chi phí phải trả	316	5.18	18.934.840.725	18.820.105.607
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.19	85.622.167.013	129.308.501.389
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.897.819.834	12.217.156.369
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>34.546.509.510</b>	<b>49.033.161.588</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.20	656.898.000	656.898.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.21	13.826.431.871	14.727.684.038
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.22	20.063.179.639	33.648.579.550
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>516.107.735.167</b>	<b>506.544.111.039</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.23	<b>516.107.735.167</b>	<b>506.544.111.039</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.23	443.753.850.000	295.807.110.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.23	-	102.592.150.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.23	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.23	14.364.348.663	13.673.710.430
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.23	12.618.211.299	12.065.700.713
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.23	952.937.364	1.608.009.717
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.23	51.918.387.841	88.297.430.179
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>848.428.902.446</b>	<b>763.761.694.337</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại :		-	-
+ USD		3.574,30	193.158,73
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**NGUYỄN THỊ TRÚC**

Ngày 07 tháng 01 năm 2011



11/01/2011 10:00 AM

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	87.506.528.697	111.953.605.585
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	6.1	-	1.749.831.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		87.506.528.697	110.203.774.385
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	49.789.862.548	39.072.770.290
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		37.716.666.149	71.131.004.095
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	66.732.053.104	32.281.311.089
7. Chi phí tài chính	22	6.4	22.143.116.076	7.376.425.203
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		12.716.482.127	4.659.751.715
8. Chi phí bán hàng	24		2.369.333.022	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.114.378.177	20.121.377.533
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		59.821.891.978	75.914.512.448
11. Thu nhập khác	31	6.5	10.417.552.869	1.367.782.288
12. Chi phí khác	32	6.6	1.072.689.973	2.263.705.009
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		9.344.862.896	(895.922.721)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		69.166.754.874	75.018.589.727
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	7.960.423.242	10.334.295.795
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(617.378.218)	(827.359.091)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		61.823.709.850	65.511.653.023
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	2.092	2.278

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Ngày 07 tháng 01 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		69.166.754.874	75.018.589.727
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		4.113.641.158	4.698.943.487
Các khoản dự phòng	03		445.822.469	1.242.683.793
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(4.758.767.213)	137.193.201
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(61.857.555.164)	(31.488.596.657)
Chi phí lãi vay	06		12.716.482.127	4.659.751.715
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>19.826.378.251</b>	<b>54.268.565.266</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		42.676.457.545	87.103.447.271
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.140.757.565	13.983.224.412
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(35.480.949.369)	(110.525.878.459)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		241.375.421	101.008.059
Tiền lãi vay đã trả	13		(11.709.077.378)	(4.852.614.948)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(30.852.696.619)	(3.268.485.222)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.629.000.000	28.763.554.691
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(998.813.000)	(32.623.963.744)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.472.432.416</b>	<b>32.948.857.326</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
<b>1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>21</b>		(2.747.319.880)	(36.406.265.522)
<b>2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>22</b>		1.420.495.000	968.000.000
<b>3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác</b>	<b>23</b>		(139.922.112.529)	(41.339.496.868)
<b>4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác</b>	<b>24</b>		48.679.200.914	40.700.000.000
<b>5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>25</b>		(11.957.549.910)	(41.009.078.558)
<b>6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>26</b>		902.342.950	-
<b>7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia</b>	<b>27</b>		1.022.188.939	714.239.895
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(102.602.754.516)</b>	<b>(76.372.601.053)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	8.120.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		579.225.259.321	157.885.528.468
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(441.764.256.656)	(102.073.492.537)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(49.691.270.200)	(14.350.062.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>87.769.732.465</b>	<b>49.581.973.931</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(12.360.589.635)</b>	<b>6.158.230.204</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>13.642.069.559</b>	<b>7.476.652.556</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.060.612	7.186.799
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>1.284.540.536</b>	<b>13.642.069.559</b>

Ngày 07 tháng 01 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC



PHẠM PHÚC TOẠI

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long ( dưới đây gọi tắt là " Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở được đặt tại số 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng

Công ty có 1 chi nhánh hạch toán phụ thuộc đặt tại TP.HCM.

Các công ty con tính đến 31/12/2010 gồm:

- Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khoáng Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty CP Hoàng Long Mê Kông.
- Công ty CP Thanh Mỹ

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điếu, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mượn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi ( ngoài tỉnh)
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng ( trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình)
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

#### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 -25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 -08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 -10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 -05 năm
+ Tài sản khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 -50 năm

#### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

#### 4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần lương tối thiểu chung được Chính Phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: trích lập căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

### 4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### 4.12. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ kế toán này, cụ thể như sau :

#### Bảng cân đối kế toán

	Đầu năm (Phân loại lại)	Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
Người mua ứng tiền trước	337.412.898	33.985.992.448
Doanh thu chưa thực hiện	33.648.579.550	-
<b>Cộng</b>	<b>33.985.992.448</b>	<b>33.985.992.448</b>

#### Lưu chuyển tiền tệ

	Năm trước (Phân loại lại)	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)
Lãi lỗ hoạt động đầu tư	(31.488.596.657)	(713.393.481)
Tăng giảm các khoản phải thu	87.103.447.271	56.328.244.095
<b>Cộng</b>	<b>55.614.850.614</b>	<b>55.614.850.614</b>

Nguyên nhân trình bày lại : do điều chỉnh bổ sung phần lợi nhuận thu được từ khoản đầu tư vào các công ty con vào mục "Lãi lỗ hoạt động đầu tư" trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	24.171.164	114.087.283
Tiền gửi ngân hàng	1.260.369.372	301.702.769
Các khoản tương đương tiền	-	13.226.279.507
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.284.540.536</b>	<b>13.642.069.559</b>

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	40.388.844.503	37.157.036.430
Trả trước cho người bán	2.581.642.300	4.984.653.300
Các khoản phải thu khác	126.199.924.508	41.528.910.709
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>169.170.411.311</b>	<b>83.670.600.439</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.145.889.685)	(920.889.685)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>168.024.521.626</b>	<b>82.749.710.754</b>

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu hoạt động thương mại	424.251.685	310.389.685
Phải thu hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	39.964.592.818	36.846.646.745
<b>Cộng</b>	<b>40.388.844.503</b>	<b>37.157.036.430</b>

Các khoản ứng trước cho người bán được chi tiết như sau :

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước tiền cung cấp thiết bị và lắp đặt trạm xử lý nước thải	-	2.050.000.000
Trả trước cho hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu chế biến thủy sản ( tương đương 129.500 USD)	2.451.694.000	2.759.325.800
Các khoản trả trước khác	129.948.300	175.327.500
<b>Cộng</b>	<b>2.581.642.300</b>	<b>4.984.653.300</b>

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu nội bộ các công ty con	118.091.929.856	26.678.961.848
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức cho nhân viên	-	11.132.700.000
Phải thu tiền cho Công ty Tấn Điền vay	5.982.546.254	-
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.227.774.537	1.318.344.000
Các khoản phải thu khác	897.673.861	2.398.904.861
<b>Cộng</b>	<b>126.199.924.508</b>	<b>41.528.910.709</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Dự phòng phải thu khó đòi được chi tiết như sau :

Tên đối tượng	Số dư nợ	Tỷ lệ dự phòng	Số dự phòng
Cù Lê Bảo Trị	85.500.000	100%	85.500.000
Mai Tiến Dũng	150.000.000	100%	150.000.000
Nguyễn Phước Hòa	600.000.000	100%	600.000.000
DNTN Thúy Hằng	199.998.835	100%	199.998.835
Hộ kinh doanh Đặng Văn Mỹ	88.000.000	100%	88.000.000
Cơ sở Phạm Ẫi	22.390.850	100%	22.390.850
<b>Cộng</b>	<b>1.145.889.685</b>		<b>1.145.889.685</b>

**5.3. Hàng tồn kho**

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.026.188.046	14.348.069
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.939.988.955	13.790.530.618
Thành phẩm	1.091.402.840	-
Hàng hóa	27.717.852.017	64.750.473.736
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>41.775.431.858</b>	<b>78.555.352.423</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>41.775.431.858</b>	<b>78.555.352.423</b>

Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho gồm :

	Cuối năm	Đầu năm
Khu dân cư Long Kim 2	27.717.852.017	43.111.310.736
Khu công nghiệp Long Cang	-	21.639.163.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.717.852.017</b>	<b>64.750.473.736</b>

**5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí quảng cáo thương hiệu chờ phân bổ

**5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu nộp thừa	-	186.538.000
Thuế môn bài nộp thừa	1.500.000	1.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.500.000</b>	<b>188.038.000</b>

**5.6. Tài sản ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	269.189.717	310.271.018
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	3.408.790.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>269.189.717</b>	<b>3.719.061.018</b>

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	9.175.254.924	3.787.350.606	14.599.372.222	2.597.535.035	425.600.000	30.585.112.787
Tăng	-	940.000.000	-	39.989.090	-	979.989.090
Thanh lý	-	(1.830.000.000)	(589.000.000)	-	-	(2.419.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.175.254.924</b>	<b>2.897.350.606</b>	<b>14.010.372.222</b>	<b>2.637.524.125</b>	<b>425.600.000</b>	<b>29.146.101.877</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	1.049.882.173	2.045.702.518	4.642.974.672	1.722.548.733	362.483.331	9.823.591.427
Khấu hao trong năm	550.446.844	492.615.476	1.835.528.420	456.635.796	59.574.998	3.394.801.534
Thanh lý	-	(1.098.000.027)	(353.400.048)	-	-	(1.451.400.075)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.600.329.017</b>	<b>1.440.317.967</b>	<b>6.125.103.044</b>	<b>2.179.184.529</b>	<b>422.058.329</b>	<b>11.766.992.886</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	8.125.372.751	1.741.648.088	9.956.397.550	874.986.302	63.116.669	20.761.521.360
Tại ngày cuối năm	<b>7.574.925.907</b>	<b>1.457.032.639</b>	<b>7.885.269.178</b>	<b>458.339.596</b>	<b>3.541.671</b>	<b>17.379.108.991</b>

▪ Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.728.122.036 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	5.350.000.000	10.300.000	5.360.300.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.350.000.000</b>	<b>10.300.000</b>	<b>5.360.300.000</b>
<b>Hao mòn</b>			
Số dư đầu năm	303.166.678	10.300.000	313.466.678
Khấu hao trong năm	107.000.004	-	107.000.004
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>410.166.682</b>	<b>10.300.000</b>	<b>420.466.682</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	5.046.833.322	-	5.046.833.322
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>4.939.833.318</b>	<b>-</b>	<b>4.939.833.318</b>

Trong đó :

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 10.300.000 đồng

**5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm	Đầu năm
Mua sắm thiết bị của hệ thống nước thải Long Cang	173.218.403	173.218.403
Chi phí xây dựng nhà máy nước ngầm	-	249.178.333
Phí bảo hộ sản phẩm chế biến	79.040.000	79.040.000
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.619.233.443	1.078.324.352
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.871.491.846</b>	<b>1.579.761.088</b>

**5.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà An Dương Vương	Nhà kho	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	17.340.160.000	5.579.200.706	3.501.522.110	26.420.882.816
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.340.160.000</b>	<b>5.579.200.706</b>	<b>3.501.522.110</b>	<b>26.420.882.816</b>
<b>Hao mòn</b>				
Số dư đầu năm	-	675.823.423	376.981.762	1.052.805.185
Tăng trong năm	-	278.960.040	332.879.580	611.839.620
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>954.783.463</b>	<b>709.861.342</b>	<b>1.664.644.805</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	17.340.160.000	4.903.377.283	3.124.540.348	25.368.077.631
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>17.340.160.000</b>	<b>4.624.417.243</b>	<b>2.791.660.768</b>	<b>24.756.238.011</b>

Giá trị còn lại tài sản thế chấp ngân hàng để đảm bảo khoản vay : 21.964.577.243 đồng (xem mục 5.14)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.11. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	447.912.527.010	396.269.252.950
Đầu tư vào công ty liên kết	132.900.000.000	132.600.000.000
Đầu tư dài hạn khác	964.747.000	900.000.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>581.777.274.010</b>	<b>529.769.252.950</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.002.616.577)	(781.794.108)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>580.774.657.433</b>	<b>528.987.458.842</b>

Danh sách các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại	Vốn góp đến 31/12/2010	Tỷ lệ góp vốn
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Con	30.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản	Con	85.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Con	150.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn	Con	70.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Con	100.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Con	10.000.000.000	100%
Công ty CP Hoàng Long Mê Kông	Con	2.912.527.010	55%
Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	Liên kết	132.900.000.000	30%
Công ty CP Thanh Mỹ	Khác	964.747.000	5%
<b>Cộng</b>		<b>581.777.274.010</b>	

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn là dự phòng cho khoản lỗ lũy kế vào công ty liên kết Thanh Thy.

**5.12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lắp đặt thiết bị văn phòng CN TP.HCM	-	223.170.985
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	82.896.805	73.543.179
<b>Tổng cộng</b>	<b>82.896.805</b>	<b>296.714.164</b>

**5.13. Tài sản thuế hoãn lại**

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời từ chi phí trích trước cho khu đất Long Kim 2	3.484.474.394	2.867.096.176
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.484.474.394</b>	<b>2.867.096.176</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.14. Vay ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	161.410.256.280	2.759.325.800
<b>Tổng cộng</b>	<b>161.410.256.280</b>	<b>2.759.325.800</b>

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất từ 6.4%/ năm đến 7.5%/năm và được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp sau :

- 13.020.760 cổ phiếu của Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long với giá thị trường là 20.000đ/cổ phiếu
- Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại 281-283 An Dương Vương, Q.5. TP.HCM theo hợp đồng thế chấp số 407/EIB-MT/TC/2010 ngày 14/12/2010

**5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	14.291.757.911	13.768.354.336
Người mua trả tiền trước	2.466.644.371	337.412.898
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.758.402.282</b>	<b>14.105.767.234</b>

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả tiền đền bù, giải tỏa cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Long An	5.707.412.000	5.707.412.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi cho công ty Chia Tung ( tương đương 380.000 USD)	7.194.160.000	6.817.580.000
Phải trả tiền sửa chữa tòa nhà văn phòng	-	649.930.493
Phải trả chi phí quảng cáo cho Trung Tâm Xúc Tiến TM và ĐT Đồng Tháp	800.000.000	-
Khác	590.185.911	593.431.843
<b>Cộng</b>	<b>14.291.757.911</b>	<b>13.768.354.336</b>

**5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT hàng nội địa	-	5.137.593.117
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.745.372.370	24.637.645.747
Thuế thu nhập cá nhân	20.005.550	48.526.763
Thuế tài nguyên	-	13.188.695
Các khoản phí, lệ phí	632.649.918	49.484.822
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.398.027.838</b>	<b>29.886.439.144</b>

**5.17. Phải trả người lao động**

Là khoản phải trả lương tháng 12 và tháng 13 năm 2010.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.18. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước lãi vay	266.050.218	56.315.100
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí kiểm toán	155.000.000	250.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.934.840.725</b>	<b>18.820.105.607</b>

### 5.19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	36.145.200	36.898.800
Phải trả cho các công ty con	40.166.803.834	98.708.158.654
Phải trả tiền vay cho Công ty Thanh Thy	24.557.443.935	30.563.443.935
Phải trả tiền vay cho Công ty An Thịnh	11.042.455.500	-
Phải trả tiền mượn từ ông Phạm Phúc Toại	5.470.359.000	-
Phải trả tiền thu hộ cho ông Phan Thanh Vũ	4.333.689.580	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.269.964	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>85.622.167.013</b>	<b>129.308.501.389</b>

### 5.20. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ tiền thuê kho từ công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long, thời gian 5 năm.

### 5.21. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	13.826.431.871	14.727.684.038
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.826.431.871</b>	<b>14.727.684.038</b>

Vay ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0557/TDC/09CD ngày 18/08/2009 với lãi suất là 6%/năm, thời hạn vay 24 tháng. Theo hợp đồng thế chấp số 0250/NHNT-TDC/BL10 ngày 13/08/2009, tài sản thế chấp định giá là 14.193.430.000 đồng, bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 240676 do UBND huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp ngày 13/09/2005.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Long An cấp ngày 26/09/2010, hồ sơ gốc số 01028.

### 5.22. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối năm	Đầu năm
Khách hàng ứng trước tiền chuyển quyền sử dụng đất theo tiến độ trên hợp đồng	20.063.179.639	33.648.579.550
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.063.179.639</b>	<b>33.648.579.550</b>

### 5.23. Vốn chủ sở hữu

#### 5.23.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

(Phần tiếp theo ở trang 22)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	287.687.110.000	102.592.150.000	(7.500.000.000)	21.160.495.416	49.509.690.042	453.449.445.458
Tặng vốn	8.120.000.000	-	-	-	-	8.120.000.000
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	65.511.653.023	65.511.653.023
Trích quỹ	-	-	-	6.186.925.444	(12.373.850.886)	(6.186.925.442)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(14.350.062.000)	(14.350.062.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>295.807.110.000</b>	<b>102.592.150.000</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>27.347.420.860</b>	<b>88.297.430.179</b>	<b>506.544.111.039</b>
Tặng vốn	147.946.740.000	(102.592.150.000)	-	(793.200.000)	(44.561.390.000)	-
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	61.823.709.850	61.823.709.850
Giảm khác	-	-	-	-	(1.187.539.056)	(1.187.539.056)
Trích quỹ	-	-	-	1.381.276.466	(2.762.552.931)	(1.381.276.466)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(49.691.270.200)	(49.691.270.200)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>-</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>27.935.497.326</b>	<b>51.918.387.841</b>	<b>516.107.735.167</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.23.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	443.753.850.000	295.807.110.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>295.807.110.000</b>

**5.23.3. Cổ phần**

▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.388	29.580.711
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	44.375.385	29.580.711
+ <i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	44.375.385	29.580.711
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(150.000)	(150.000)
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	(150.000)	(150.000)
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	29.430.711
+ <i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	44.225.385	29.430.711
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

**5.23.4. Lãi trên sổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế	61.823.709.850	65.511.653.023
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	29.552.311	28.754.044
<b>Lãi trên một cổ phiếu</b>	<b>2.092</b>	<b>2.278</b>

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động thương mại	26.234.865.183	1.465.890.877
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng đất	50.732.192.605	109.075.445.754
Doanh thu hoạt động khác	10.539.470.909	1.412.268.954
Hàng bán bị trả lại	-	(1.749.831.200)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>87.506.528.697</b>	<b>110.203.774.385</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động thương mại	25.314.786.787	1.334.891.867
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng đất	15.716.036.141	37.111.531.992
Giá vốn hoạt động khác	8.759.039.620	626.346.431
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.789.862.548</b>	<b>39.072.770.290</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.022.188.939	714.239.895
Lợi nhuận chuyển từ các công ty con	51.986.209.469	30.775.203.176
Chiết khấu thanh toán	-	199.648
Thu lãi cho vay từ các công ty con	8.396.261.681	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	546.839.710	470.677.171
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.780.553.305	320.991.199
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.732.053.104</b>	<b>32.281.311.089</b>

### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	12.716.482.127	4.659.751.715
Chi phí cấp ưu đãi cho khách hàng	3.707.653.445	612.128.550
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.476.371.943	864.566.430
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	21.786.092	458.184.400
Dự phòng cho khoản đầu tư vào công ty liên kết	220.822.469	781.794.108
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.143.116.076</b>	<b>7.376.425.203</b>

### 6.5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phí đo đạc	71.421.371	389.670.010
Thu thanh lý tài sản cố định	1.420.495.000	968.000.000
Thu bồi thường do không thực hiện hợp đồng	6.689.539.216	-
Thu lãi trả chậm từ công ty con	2.225.025.019	-
Thu nhập khác	11.072.263	10.112.278
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.417.552.869</b>	<b>1.367.782.288</b>

### 6.6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí do không thực hiện hợp đồng	-	1.160.052.530
Chi phí thanh lý tài sản cố định	967.599.925	968.000.000
Chi phí khác	105.090.048	135.652.479
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.072.689.973</b>	<b>2.263.705.009</b>

(Phần tiếp theo ở trang 25)



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Chuyển quyền sử dụng đất	Hoạt động khác	Cộng
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>28.137.925.273</b>	<b>41.028.829.601</b>	<b>69.166.754.874</b>
Các khoản điều chỉnh giảm :	-	(52.452.252.789)	(52.452.252.789)
+ LN chuyển từ các công ty con	-	(51.986.209.469)	(51.986.209.469)
+ Thu nhập đã nộp thuế năm 2009	-	(462.982.708)	(462.982.708)
+ Lãi do đánh giá CL tỷ giá chưa thực hiện	-	(3.060.612)	(3.060.612)
Các khoản điều chỉnh tăng :	2.469.512.874	2.421.319.345	4.890.832.219
+ Chi phí trích trước	2.469.512.874	-	2.469.512.874
+ Chi phí không hợp lệ	-	2.421.319.345	2.421.319.345
<b>Lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>30.607.438.147</b>	<b>(9.002.103.843)</b>	<b>21.605.334.304</b>
Thuế phải nộp theo thuế suất 25%	7.651.859.537	-	7.651.859.537
Tạm nộp 2% thuế TNDN ứng với khoản khách hàng ứng tiền trước	(271.707.998)	-	(271.707.998)
Điều chỉnh thuế truy thu năm 2009	580.271.703	-	580.271.703
<b>Thuế phải nộp năm 2010</b>	<b>7.960.423.242</b>	<b>-</b>	<b>7.960.423.242</b>

### 6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chênh lệch tạm thời	Số tiền	Thuế suất	Chi phí thuế hoãn lại
Chi phí trích trước cho khu dân cư Long Kim 2 ứng với phần phát sinh trong giá vốn	2.469.512.874	25%	(617.378.218)
<b>Tổng cộng</b>			<b>(617.378.218)</b>

### 7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- + Chuyển nhượng quyền sử dụng đất
- + Hoạt động khác ( cho thuê kho, thuê nhà, san lấp mặt bằng, kinh doanh thành phẩm phân bón...)

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**

	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Hoạt động khác	Tổng cộng
<b>Doanh thu</b>			
Từ khách hàng bên ngoài	50.732.192.605	11.528.503.925	62.260.696.530
Cung cấp cho các công ty con	-	25.245.832.167	25.245.832.167
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.732.192.605</b>	<b>36.774.336.092</b>	<b>87.506.528.697</b>
<b>Giá vốn</b>			
Từ khách hàng bên ngoài	(15.716.036.141)	(10.117.792.696)	(25.833.828.837)
Cung cấp cho các công ty con	-	(23.956.033.711)	(23.956.033.711)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(15.716.036.141)</b>	<b>(34.073.826.407)</b>	<b>(49.789.862.548)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí bán hàng	(421.638.712)	(1.947.694.310)	(2.369.333.022)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(10.003.304.310)	(10.111.073.867)	(20.114.378.177)
Doanh thu tài chính	592.617.338	66.139.435.766	66.732.053.104
Chi phí tài chính	(3.707.653.445)	(18.435.462.631)	(22.143.116.076)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.476.177.335	38.345.714.643	59.821.891.978
Thu nhập khác	6.760.960.587	3.656.592.282	10.417.552.869
Chi phí khác	(99.212.649)	(973.477.324)	(1.072.689.973)
Lợi nhuận từ hoạt động khác	6.661.747.938	2.683.114.958	9.344.862.896
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>28.137.925.273</b>	<b>41.028.829.601</b>	<b>69.166.754.874</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.343.045.024)	-	(7.343.045.024)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>20.794.880.249</b>	<b>41.028.829.601</b>	<b>61.823.709.850</b>

**8. Thông tin về các bên có liên quan**

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các công ty con và các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV chế biến thủy sản Hoàng Long	106.828.606.607	21.351.086.813
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	7.406.677.456	4.844.289.560
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng	3.754.645.793	483.585.475
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	102.000.000	
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức từ Ông Phạm Hoàng Long	-	11.132.700.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>118.091.929.856</b>	<b>37.811.661.848</b>

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả cho các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả tiền mượn từ ông Phạm Phúc Toại	5.470.359.000	-
Công ty TNHH MTV vận tải và khai thác khoáng sản Hoàng Long	24.071.837.613	5.664.783.015
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	9.857.202.924	4.255.578.806
Công ty TNHH MTV công nghệ và thương mại Hoàng Long	6.237.763.297	88.787.796.833
Công ty TNHH SX TM DV Thanh Thy	24.557.443.935	30.563.443.935
<b>Tổng cộng</b>	<b>70.194.606.769</b>	<b>129.271.602.589</b>

(Phần tiếp theo ở trang 27)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng từ các công ty con	9.066.851.960	1.907.276.287
Thanh toán tiền mua hàng cho công ty con	1.000.000.000	-
Bán hàng cho các công ty con	25.245.832.167	2.903.905.816
Thu tiền bán hàng từ các công ty con	24.444.765.820	-
Thu nhập do lợi nhuận chuyển về từ các công ty con	54.045.196.566	30.775.203.176
Mượn tiền từ các công ty con	218.945.932.000	122.436.000.000
Chi trả tiền đã mượn từ các công ty con	232.071.081.015	73.936.758.537
Chi trả lãi cho các công ty con	809.036.298	-
Mượn tiền từ Ông Phạm Phúc Toại	53.737.811.580	-
Chi trả tiền đã mượn từ Ông Phạm Phúc Toại	48.267.452.580	5.160.000.000
Cho các công ty con vay tiền	127.747.936.795	41.339.496.868
Cho Ông Phạm Phúc Toại vay tiền	12.174.175.734	2.374.191.000
Chi tạm ứng cổ tức	12.600.000.000	-
Thu lãi vay và lãi trả chậm của công ty con	10.158.303.992	-
Thu tiền đã cho công ty con vay	35.060.834.180	40.700.000.000
Thu lại tiền cho Ông Phạm Phúc Toại vay	13.618.366.734	930.000.000
Thu lại tiền tạm ứng cổ tức	23.732.700.000	-
Trả tiền vay cho Công ty Thanh Thy	6.006.000.000	-
Lãi vay trả cho Thanh Thy	3.979.157.822	3.631.203.354

- Công ty có vay từ công ty liên kết – Công ty TNHH SX TM DV Thanh Thy theo khế ước vay ngày 02/03/2008 để bổ sung vốn lưu động với số tiền là 27.791.443.935 đồng. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay này được bảo đảm và không có thời gian hoàn trả cụ thể.
- Trong năm, Công ty đã thực hiện giải thể công ty con – Công ty CP Rượu Bia Labeco vào tháng 4/2010.
- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm là :

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc	1.375.389.456	1.321.212.888

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**9. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**10. Các thông tin thuyết minh khác**

Ngày 31/12/2009 Bộ Tài Chính có ban hành thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau : đơn vị tiền tệ trong kế toán, hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài, hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

**11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 07 tháng 01 năm 2011.

Ngày 07 tháng 01 năm 2011

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

---

**NGUYỄN THỊ TRÚC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM PHÚC TOẠI**